

Số: 44/2026/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, các điều 150, 212, 213 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3; các điều 105, 116, 117, 166, khoản 1 Điều 275, các điều 278, 280, 351, 352, 353, 357, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, các khoản 1 và 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các khoản 1 và 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024, sửa đổi, bổ sung các năm 2024 và 2025;

Căn cứ vào Điều 7, các khoản 2, 3 và 4 Điều 8, Điều 12, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung các năm 2014, 2018, 2020, 2022 và 2024;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (tên viết tắt bằng tiếng Anh: S1); địa chỉ: số G, phố T, phường C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Ngô Thu H

- chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Huy P và ông Hoàng Đức C, đều là chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng B, Tòa nhà S, số A, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh (văn bản ủy quyền lại số: 08/2026/UQ-SHBQN ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q1);

- Bị đơn: ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 038084015258, cấp ngày: 28/10/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội -Bộ Công an và bà Mai Thị T, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 038190012423, cấp ngày: 04/10/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; cùng địa chỉ: tổ F, khu H, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay và số tiền còn nợ:

2.1.1. Ông Hoàng Văn Q, bà Mai Thị T đều thừa nhận: ông Q, bà T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 20/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 28/3/2019; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 67/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 19/7/2019 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 60/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 29/6/2021 được ký kết giữa hai bên.

2.1.2. Chấm dứt Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 20/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 28/3/2019 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 60/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 29/6/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q2 - Phòng giao dịch B với ông Hoàng Văn Q, bà Mai Thị T.

Tính đến hết ngày 29/4/2026, ông Hoàng Văn Q và bà Mai Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền chưa thanh toán là 85.978.320đ (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng), trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 20/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 28/3/2019: nợ gốc là 5.000.000 đồng; lãi trong hạn là 8.929.193 đồng; lãi quá hạn là 1.343.928 đồng; lãi chậm trả là 734.563 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 67/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 19/7/2019: nợ gốc là 299.967 đồng; lãi trong hạn là 2.153.705 đồng; lãi quá hạn là 902.881 đồng; lãi chậm trả là 39.890 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 60/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110307 ngày 29/6/2021: nợ gốc là 56.200.000 đồng; lãi trong hạn là 8.866.742 đồng; lãi quá hạn là 1.178.552 đồng; lãi chậm trả là 328.899 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ, phương án trả nợ và việc xử lý tài sản bảo đảm:

2.2.1. Kể từ ngày 29/4/2026 đến hết ngày 29/5/2026, ông Hoàng Văn Q và bà Mai Thị T phải thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày 30/4/2026 trở đi, ông Hoàng Văn Q và bà Mai Thị T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nêu trên.

2.2.2. Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/2019/HĐTC-CN/SHB.110307 ngày 28/3/2019 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q2 - Phòng

giao dịch B với ông **Hoàng Văn Q**, bà **Mai Thị T** có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông **Hoàng Văn Q** và bà **Mai Thị T** không trả được nợ theo thời hạn như đã thỏa thuận nêu trên thì **Ngân hàng TMCP S** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nêu trên theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: **tổ F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F, khu H, phường B, tỉnh Quảng Ninh)**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 280285, số vào sổ cấp GCN: CH25294 do **Ủy ban nhân dân thành phố H**, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/10/2018 đứng tên ông **Hoàng Văn Q** và bà **Mai Thị T**.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông **Hoàng Văn Q** và bà **Mai Thị T** phải tiếp tục có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP S** các khoản tiền còn nợ và phát sinh mới cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

2.3.1. Ông **Hoàng Văn Q** và bà **Mai Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.149.458đ (*hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng*) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.800.000đ (*tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

2.3.2. **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** 2.071.000 đồng (*hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000425 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSNDKV1-Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm